

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2025/HS-PT

Ngày: 18 - 12 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Võ Thị Ngọc Dung**

Các thẩm phán: ông **Phạm Tồn**

ông **Đinh Phước Hòa**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham
gia phiên tòa:** bà **Phan Thị Xuân Thanh**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa Phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở
Tòa án nhân dân thành phố Huế, xét xử trực tuyến phúc thẩm vụ án hình sự thụ
lý số 161/2025/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo **Nguyễn
Chí T1** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của người bị hại
và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số
98/2025/HSST ngày 11/8/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Bị cáo bị kháng cáo:

Nguyễn Chí T1, sinh ngày 07/02/1988 tại **thành phố H**; CCCD:
046088013976; nơi cư trú: **Tổ dân phố T, phường D, thành phố H**; nghề nghiệp:
Kinh doanh; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:
Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Chí Q** (đã chết) và bà **Trần Thị Y**;
có vợ **Nguyễn Thị H** và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm
giữ, tạm giam từ ngày 09/12/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam **Công an thành
phố H**. Hiện bị cáo đang chấp hành án, vắng mặt

- Bị hại:

+ Bà **Nguyễn Thị Thúy H1**, sinh năm 1977; địa chỉ: **Số A đường N, phường K, thành phố H**, có mặt

+ Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1978 và bà **Phan Thị S**, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường K, thành phố H**. Địa chỉ liên hệ: **26 đường L, phường V, thành phố H**, có mặt

*Người đại diện theo ủy quyền của bị hại ông **Lê Văn L** và bà **Phan Thị S**:*
Ông **Lê Văn Hoàng Tám B**, sinh năm 1987; địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường K, thành phố H**, có mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại ông **Lê Văn L** và bà **Phan Thị S**:* Ông **Võ Công H2**, Luật sư, **Công ty L3** thuộc **Đoàn Luật sư thành phố H**; địa chỉ: **B đường L, phường V, thành phố H**, có mặt

+ Bà **Cung Thị L1**, sinh năm 1958; địa chỉ: **Thôn A, xã Q, thành phố H**, có mặt

+ Ông **Nguyễn Đình C**, sinh năm 1981; địa chỉ: **Thôn P, xã Q, thành phố H**, có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Phan Quốc T2**, sinh năm 1988; địa chỉ: **Số A đường N, TDP V, xã Q, thành phố H**, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng từ năm 2020, **Nguyễn Chí T1** làm việc cho **Công ty cổ phần Đ1**, tại **A P, phường T, thành phố H**, do chị **Trương Thị Phương L2** làm giám đốc. Khi thấy thị trường bất động sản ở có chiều hướng tăng mạnh, kinh doanh có lãi, **T1** đã huy động vốn mua nhiều thửa đất có diện tích lớn ở **huyện Q và thị xã H**, tách thành các thửa nhỏ để bán lại kiếm lời. Thời gian đầu việc kinh doanh thuận lợi, sau đó kinh doanh bị thua lỗ. Để có tiền trả nợ và kéo dài thời gian vay Ngân hàng để chờ giá đất lên rồi bán, **T1** giả vờ nói là cần vay tiền để mua đất rồi tách thửa bán, cầm cố các giấy tờ đất không phải của mình để vay tiền, lợi dụng lòng tin và sự thiếu hiểu biết của người bán đất khi ký hợp đồng ủy quyền làm giấy tờ thành hợp đồng ủy quyền toàn bộ để chiếm đoạt quyền sử dụng đất và dùng các thủ đoạn gian dối khác chiếm đoạt tài sản của người bị hại, cụ thể như sau:

*Vụ thứ 01: Đối với ông **Lê H3***

Từ năm 2020 đến năm 2022, **T1** có môi giới cho ông **Lê H3** mua nhiều thửa đất, bán lại có lời nên ông **H3** rất tin tưởng, **T1** đã đưa ra thông tin gian dối chiếm đoạt tiền, cụ thể như sau:

Khoảng cuối tháng 10/2021, **Nguyễn Chí T1** mua thửa đất số 272, tờ bản đồ số 8, tại **xã Q, huyện Q** của ông **Trần N** và bà **Hoàng Thị G**, với giá 1.190.000.000 đồng. **T1** đặt cọc 50.000.000 đồng, tiền còn lại sẽ trả hết sau khi ký các giấy tờ khác do **T1** yêu cầu. Sau khi thoả thuận xong, do cần tiền nên **T1** giả vờ nói với ông **Lê H3** là chủ đất cần vay số tiền 1.300.000.000 đồng, lãi 1.200 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày; sau 3 tháng nếu chủ đất không trả đủ tiền thì có quyền phân lô, tách thửa bán. Ông **H3** tin thật nên đồng ý. Ngày 04/11/2021, **T1** nói ông **H3** đem theo 1.300.000.000 đồng đến phòng Công chứng **Hồ Phi H4**, tại **đường T, thành phố H** để ký hợp đồng ủy quyền, đồng thời hẹn ông **N** và bà **G** cùng đến ký hợp đồng ủy quyền cho ông **H4**. Ký hợp đồng xong, ông **H4** đưa cho **T1** số tiền 1.300.000.000 đồng. Trước khi ký hợp đồng ủy quyền, **T1** đã nộp hồ sơ đăng ký chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại **UBND huyện Q** (cũ). Khi có thông báo được chuyển đổi mục đích sử dụng đất, **T1** nói với ông **H4** là chủ đất không chuộc lại đất, ông đưa sổ hồng và hợp đồng ủy quyền để Tâm đi sang tên, tách thửa để bán. **T1** giấu hợp đồng ủy quyền, chuyển đổi toàn bộ diện tích thành đất ở, tách thành 6 thửa đứng tên là ông **N**, bà **G**. Khi có người mua, **T1** nhờ ông **N**, bà **G** ký công chứng hợp đồng chuyển nhượng. Với thủ đoạn trên, **T1** đã bán 6 thửa với tổng số tiền 1.600.000.000 đồng, sử dụng vào mục đích cá nhân hết. **T1** không trả lại tiền cho ông **H4** như đã hứa mà chiếm đoạt số tiền 1.300.000.000 đồng.

T1 đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối là cần tiền mua đất để vay tiền của ông **H4** nhưng rồi chiếm đoạt, khi ông **H4** đòi thì **T1** viết giấy xác nhận nợ số tiền 1.800.000.000 đồng và 4.800.000.000 đồng.

- Đối với số tiền 4.800.000.000 đồng, bao gồm:

+ Tiền ông **H4** cho **T1** vay thông qua hình thức mua bán đất của ông **Trần N** và **Hoàng Thị G** là 1.300.000.000 đồng.

+ Số tiền 1.100.000.000 đồng là thông qua việc vay mượn để mua bán thửa đất số: 1075, 1076, tờ bản đồ số 10, có diện tích 100m², địa chỉ: **thôn N, xã Q, huyện Q, Thừa Thiên Huế**, của ông **Trương Đình N1** và bà **Lương Thị Diệu Y1** (Đã trả lại đất cho ông **H4**).

+ **T1** nhiều lần vay tiền rồi chiếm của ông **H4** số tiền là 2.400.000.000 đồng.

T1 đã trả cho ông **H4** số tiền 150.000.000 đồng và hai thửa đất có giá trị 1.100.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà **T1** chiếm đoạt là 3.550.000.000 đồng.

*Vụ thứ 02: Đối với chị **Lê Thị Diệu H5***

Khoảng đầu năm 2022, chị **Lê Thị Diệu H5** làm kế toán cho **Nguyễn Chí T1**. Do cần tiền để trả nợ, biết chị **H5** có căn nhà thuộc tài sản riêng nên **T1** nảy sinh ý định giả vờ nói với chị **H5** thế chấp nhà đất vay tiền Ngân hàng, đưa **T1** để đưa cho người kinh doanh đất vay lấy lãi cao. Sau đó, **T1** nói với chị **H5** vay 1.500.000.000 đồng đưa cho **T1** lấy lãi mỗi tháng khoảng 30.000.000 đồng, trả lãi và tiền gốc cho Ngân hàng 15.000.000 đồng, số tiền còn lại để nuôi con, chị **H5** tin thật nên đồng ý. Tháng 7/2022, chị **H5** thế chấp nhà và đất của mình tại số: 6 đường T, phường P, quận T, thành phố H, vay của Ngân hàng B3 số tiền 1.500.000.000 đồng. Vay tiền xong, chị **H5** báo với **T1** là phải chuyển tiền vay vào tài khoản ngoài Ngân hàng B3. **T1** đưa số tài khoản 19036864630011 Ngân hàng T6 và số tài khoản 0972061061 Ngân hàng S1 của anh **Trần Đình T3** (lái xe của **T1**) để **H5** chuyển tiền vào. Sau đó, chị **H5** chuyển vào tài khoản **T1** số tiền 990.000.000 đồng, vào tài khoản anh **T3** số tiền 500.000.000 đồng, anh **T3** chuyển lại ngay cho **T1**. Nhận tiền xong, **T1** đưa lại cho **H5** số tiền 90.000.000 đồng, còn lại 1.400.000.000 đồng trả nợ, trả lãi và tiêu xài hết. Để chị **H5** tin là đầu tư, kinh doanh thật, từ ngày 07/8/2022 đến 06/12/2023, **T1** chuyển cho chị **H5** tổng số tiền là 313.500.000 đồng. Chiếm đoạt số tiền 1.086.500.000 đồng.

*Vụ thứ 03: Đối với ông **Lê Văn L**, và bà **Phan Thị S**,*

Năm 2020, **Nguyễn Chí T1** mua 1.080m² đất trong thửa đất số 246, tờ bản đồ số 78, diện tích: 4.162,3m² ở địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường H, thị xã H, thành phố H**, của người tên **T** (đến nay không xác định được địa chỉ) với giá 1.050.000.000 đồng. Khi tiến hành làm các thủ tục chuyển nhượng thì **T1** biết ông **T** mua 1.080m² của ông **Lê Văn L** và bà **Phan Thị S** với giá 820.000.000 đồng, đã trả số tiền 450.000.000 đồng. **T1** đã đặt cọc cho **T** số tiền 680.000.000 đồng, trả thêm cho ông **L** và bà **S** số tiền còn lại là 370.000.000 đồng.

Sau đó, vợ chồng ông **L** và bà **S** giao **T1** làm các thủ tục tách thửa, chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với toàn bộ diện tích: 4.162,3m² (đề nghị cấp đổi sổ đỏ sang sổ hồng). Ngày 12/5/2021, ông **L** và bà **S** được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CY864526 tại thửa đất số 246, tờ bản đồ số 78, diện tích: 4.162,3m². Khi có sổ hồng, **T1** tiếp tục làm thủ tục xin tách thửa đất này thành 04 thửa nhỏ, mục đích để chuyển đổi mục đích sử dụng đất thêm 300m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở cho mỗi thửa đất (04 thửa được chuyển 1.200m² đất ở).

Ngày 27/5/2021, tách thửa đất này thành 04 thửa, **T1** nhờ ông **Nguyễn Duy Đ** và bà **Nguyễn Thị V** đứng tên một thửa, ông **Nguyễn H6**, bà **Dương Thị**

Tổ Q1 đứng tên một thửa, ông L bà S đứng tên một thửa, và T1 đứng tên một thửa.

Ngày 15/6/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 04 thửa đất nêu trên. T1 photo công chứng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tiếp tục làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất mỗi thửa thêm 300m² đất ở. T1 đem 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính đến gặp bà Nguyễn Thị Thúy H1 nói là đất của mình mua để cầm cố với số tiền 700.000.000 đồng. Trước đó, T1 đã cầm 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong thửa đất số: 414, tờ bản đồ số: 12, địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q và thửa đất số: 578, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q của ông Nguyễn Ngọc B1 và bà Trần Thị B2 để vay của bà Hằng số tiền 4.500.000.000 đồng.

Ngày 31/12/2021, được UBND thị xã H cho phép chuyển thêm 300m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở cả bốn thửa. Ngày 20/8/2022, T1 mượn lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà H1 cùng ông Nguyễn Duy Đ, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn H6, bà Dương Thị Tô Q1 để ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất các thửa đất này qua tên ông L và bà S thành một thửa, T1 nói là để hiến đất làm đường và tiếp tục tách thành nhiều thửa tiếp để bán.

Đến khoảng tháng 02/2023, T1 không có tiền nợ cho bà H1 nên nảy sinh ý định giả vờ nói với ông L, bà S là ký hợp đồng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thúy H1 để làm các thủ tục tách thửa, làm đường nhưng nội dung là người nhận ủy quyền được toàn quyền định đoạt. Đồng thời T1 nói với bà H1 là đã mua hết thửa đất của ông L bà S với diện tích 4.162,3 m². Sau khi chủ đất ký công chứng ủy quyền toàn bộ thì bà H1 phải trả lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 414, tờ bản đồ số: 12, địa chỉ: Thôn L, xã Q và thửa đất số: 578, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: Thôn A, xã Q; thửa đất số: 164, tờ bản đồ số: 7, địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Q cho T1, bà H1 đồng ý.

T1 gửi giấy tờ và các thông tin liên quan cho Văn phòng C2 soạn trước nội dung của Hợp đồng ủy quyền là toàn quyền định đoạt từ ông L và bà S được chuyển sang bà H1. Do ông L, bà S đã nhiều lần ký tại phòng công chứng các hợp đồng mua bán, ủy quyền nên tin rằng đây là hợp đồng ủy quyền tách thửa thật nên đã ký vào theo sự hướng dẫn của T1 mà không đọc lại Hợp đồng ủy quyền. Sau khi ông L và bà S ký xong, T1 thuê xe chở ông L và S về nhà.

Sau đó, bà H1 chuyển nhượng toàn bộ thửa nêu trên cho Lê Nguyễn Bá K với giá 2.000.000.000 đồng. Nhận chuyển nhượng xong, ông K và bà H1 đến lấy đất thì ông L, bà S mới biết toàn bộ sự việc nên làm đơn trình báo với Cơ quan điều tra.

Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận tại thời điểm tháng 02/2023, diện tích 3.082,3 m² tại **tổ dân phố T, phường H, thị xã H, thành phố H** có giá trị 2.419.605.500 đồng.

*Vụ thứ 04: Đối với anh **Hoàng Xuân Minh N2** và chị **Trương Thị Phương L2***

Khoảng từ năm 2020, **Nguyễn Chí T1** làm việc cho **Công ty cổ phần Đ1** do chị **Trương Thị Phương L2** làm giám đốc. Năm 2021, **T1** mua bán cá giống bị thua lỗ, cần tiền nên nhiều lần nói dối với anh **N2** và chị **L2** là chung tiền mua đất nhưng thực ra là để chiếm đoạt tiền, trả nợ và tiêu xài hết, cụ thể như sau:

Lần 1: Năm 2021, anh **N2** và chị **L2** đưa cho **T1** số tiền 1.000.000.000 đồng để mua đất. **T1** chiếm đoạt số tiền này để mua cá giống từ Bình Thuận về mang ra Huế bán, bị thua lỗ hết.

Lần 2: Tháng 8/2022, **T1** tiếp tục nói với anh **N2**, chị **L2** rằng mình đang cần tiền để giúp cho khách hàng lấy sổ đỏ đang thế chấp trong ngân hàng, khi lấy sổ đỏ ra khách hàng bán và trả lại tiền, chị **L2** tin thật chuyển khoản cho **T1** số tiền 1.600.000.000 đồng. Đến đầu năm 2023, chị **L2** đòi thì **T1** trả số tiền 390.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 1.210.000.000 đồng.

Lần thứ 3: Ngày 05/1/2023, chị **L2** chuyển khoản thêm cho **T1** mượn 400.000.000 đồng. Sau đó, **T1** nói với chị **L2** là **T1** quen nhân viên **ngân hàng B3** đang cần tiền để đáo hạn, chị **L2** tin thật nên nhiều lần chuyển cho **T1** tổng cộng là 1.740.000.000 đồng.

Tổng số tiền **T1** chiếm đoạt của anh **N2** và chị **L2** là 2.140.000.000 đồng.

Thời gian sau đó, khi **N2**, **L2** đòi tiền thì ngày 17/7/2023, **T1** viết giấy nợ anh **N2** và chị **L2** số tiền 4.500.000.000 đồng, cam kết trả đến tháng 9/2023 sẽ trả từ 01 đến 02 tỷ đồng, nhưng đến nay không trả.

*Vụ thứ 05: Đối với anh **Nguyễn Đình C**.*

Lần 1: Khoảng năm 2021, **Nguyễn Chí T1** làm quen với các anh **Phan Quốc T2**, **Nguyễn Đình C**, **Ngô Hữu Q2** đều có liên quan đến việc làm các giấy tờ về đất đai tại **huyện Q**. **T1** cùng anh **T2**, ông **C**, anh **Q2** thỏa thuận mua thửa đất số: 460, tờ bản đồ số: 15, địa chỉ: **Thôn P, xã Q, huyện Q, thành phố H** của ông **Nguyễn Đình T4** với giá 5.400.000.000 đồng, mỗi người sẽ góp 1.350.000.000 đồng. Thỏa thuận như vậy nhưng không có ai góp tiền, nên **T1** giả vờ nói là có người mua lại với giá 5.600.000.000 đồng, mỗi người lãi 50.000.000 đồng thì chỉ có ông **C** chuyển cho **T1** số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi **T1** thanh toán xong tiền cho ông **T4** thì giá đất xuống, cần tiền trả nợ nên bán lại cho anh **Tổng Hữu Nhân T5** (Sinh năm 1989, trú tại: **A Kiệt B B, phường**

T, quận T, thành phố H) với giá 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và trả nợ hết. T5 đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Đình C số tiền 200.000.000 đồng.

Lần 2: Khoảng đầu năm 2023, T5 giả vờ nói với ông C đang cần tiền để giải quyết khó khăn đối với lô đất tại thôn P, xã Q, nên cần mượn thêm tiền, ông C tin thật nên chuyển thêm cho T5 số tiền 130.000.000 đồng thì bị T5 chiếm đoạt.

Tổng số tiền chiếm đoạt của ông C là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng).

* Tang vật thu giữ:

- Các tài liệu tin nhắn, sao kê tài khoản, thủ tục đăng ký đất đưa vào hồ sơ vụ án.

- Giấy hợp đồng đặt cọc đất có chữ ký của Trần Thị H7 và Nguyễn Chí T1, các tài liệu sao kê chuyển khoản đưa vào hồ sơ vụ án.

- Giấy hợp đồng đặt cọc đất có chữ ký của Nguyễn Ngọc B1, Trần Thị B2, Nguyễn Chí T1, các tài liệu tin nhắn đưa vào hồ sơ vụ án.

Vụ thứ 06: Đối với bà Cung Thị L1 (Sinh năm 1958, trú tại: Thôn A, xã Q, huyện Q, thành phố H).

Khoảng đầu năm 2021, Nguyễn Chí T1 biết bà Cung Thị L1 cần bán thửa đất số: 578, tờ bản đồ số: 11, diện tích là 1.332m² (400m² đất ở, 932m² đất trồng cây hàng năm) tọa lạc tại: Thôn A, xã Q, huyện Q. Thửa đất này đang thế chấp để vay ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng, nên T1 đến hỏi mua. Sau khi xem giấy tờ, T1 thấy thửa đất ở vị trí thuận lợi, có thể tách thành nhiều thửa bán với giá cao. Tại thời điểm này, do không có tiền mua, T1 nảy sinh ý định giả vờ đặt cọc và đưa trước một số tiền để bà L1 tin tưởng, ký tên vào các thủ tục chuyển nhượng sang tên T1, sau đó sẽ bán cho người khác lấy tiền trả nợ và tiêu xài. T1 nói sẽ mua thửa đất này với giá 2.000.000.000 đồng, T1 có trách nhiệm làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách thửa rồi lại cho bà L1 diện tích 400m² đất ở tại các vị trí hiện đang có nhà ở và các phòng karaoke với giá 1.260.000.000 đồng, bà L1 tin thật nên đồng ý. Trong các ngày từ 14/6/2021 đến 22/12/2021, T1 đưa cho bà L1 tổng số tiền 1.000.000.000 đồng.

Ngày 22/12/2021, T1 gọi điện thoại cho bà L1 đến văn phòng công chứng Hồ Phi H4, để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mục đích là làm các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, làm đường, tách thửa và khi bà L1 đến ký thì T1 đưa 02 hợp đồng đặt cọc có nội dung: “T1 nhận số tiền đặt cọc 1.000.000.000 đồng, cam kết bán lại 400m² cho bà L1 sau khi tách thửa”, bà L1 tin thật nên vào ký hợp đồng chuyển nhượng. Đến giữa năm 2022, bà L1 thấy

lâu nhưng chưa tách thửa nên hỏi thì **T1** nói có thay đổi Luật Đất đai nên chưa tách thửa được.

Đến cuối năm 2022, **T1** cần tiền tiêu xài nên liên hệ anh **Lý Quốc A** (Sinh năm 1987; địa chỉ: **I T, phường T, quận P, thành phố H**) để vay số tiền 900.000.000 đồng. **T1** nói có mua thửa đất ở **huyện Q**, nếu cho vay thì chủ đất sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng, nếu sau 03 tháng, **T1** không có tiền trả thì thửa đất đó thuộc chủ quyền của người cho vay, anh **Quốc A** đồng ý.

Ngày 08/11/2022, **T1** nói các giấy tờ trước đây bà **L1** ký sai, cần ký lại, bà **L1** tin thật nên đến Phòng công chứng **Hồ Phi H4** ký vào các giấy tờ do **T1** chỉ dẫn (Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà **L1** sang tên **Lý Quốc A**). Hai bên ký xong, **T1** về nhà anh **Lý Quốc A** lập hợp đồng cầm cố, đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng, nhận 900.000.000 đồng, trả nợ và tiêu xài hết.

Hết thời hạn cam kết nhưng **T1** không trả tiền, nên anh **Quốc A** đến nhà bà **L1** đòi giao nhà và đất. Lúc này, hai bên mới biết toàn bộ sự việc như đã nêu trên, nên bà **L1** làm đơn trình báo Cơ quan Công an.

Hội đồng định tài sản trong tố tụng hình sự **thành phố H** kết luận thửa của bà **Cung Thị L1** tại thời điểm tháng 11/2022 có giá trị 1.534.995.000 đồng.

Trước đó **T1** đã đưa cho bà **L1** số tiền 1.000.000.000 đồng, chiếm đoạt tài sản có giá trị 534.995.000 đồng (Năm trăm ba mươi bốn triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

* Tang vật thu giữ:

- Ngày 23/5/2024, bà **Cung Thị L1** giao nộp 03 Hợp đồng đặt cọc, 01 tờ giấy phân lô.

- Các tài liệu thu thập tại **Văn phòng C2**, Chi nhánh Đăng ký đất đai **huyện Q**.

Các tài liệu thu giữ đều đưa vào hồ sơ vụ án.

*Vụ thứ 07: Đối với bà Nguyễn Thị Thúy H1 (Sinh năm 1977, trú tại: **Số A đường N, phường H, quận P, thành phố H**).*

Năm 2021, **Nguyễn Chí T1** đặt cọc mua thửa đất số 181, tờ bản đồ số 21 diện tích 1.117 m² (trong đó: đất ở 400 m²; đất trồng cây lâu năm 717 m²) tại **thôn Đ, xã Q, huyện Q, thành phố H** của ông **Nguyễn Ngọc B1**, bà **Trần Thị B2** với số tiền 2.600.000.000 đồng, trả được 1.800.000.000 đồng. Sau đó **T1** cùng anh **Nguyễn Đình C**, **Phan Quốc T2**, **Ngô Hữu Q2** có làm các thủ tục tách thành

7 thửa đất số: 536, 537, 538, 539, 540, 541, 542. Do còn thiếu số tiền 800.000.000 đồng nên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên vẫn tên ông B1 và bà B2.

Do cần tiền trả nợ và tiêu xài nên T1 nảy sinh ý định đến gặp bà Nguyễn Thị Thúy H1 nói dối rằng 07 thửa đất trên T1 đã mua và đã thanh toán tiền đủ cho chủ, chỉ cần có người mua là T1 nhờ chủ ký chuyển nhượng, không cần ký qua cho T1, nếu T1 không có tiền trả lại cho bà H1 thì T1 sẽ nhờ chủ ký chuyển nhượng, bà H1 tin thật nên đồng ý nhận 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hai bên lập giấy đặt cọc làm tin rồi đưa cho T1 số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Tiền chiếm đoạt T1 trả nợ và tiêu xài hết, không trả tiền như cam kết, nên bà H1 làm đơn trình báo.

* Tang vật thu giữ:

- Bà Nguyễn Thị Thúy H1 cho Cơ quan điều tra giao nộp 7 thửa đất số: 536, 537, 538, 539, 540, 541, 542 (bản chính), chuyển vật chứng để đảm bảo việc xét xử.

- Ngày 14/01/2025, bà Nguyễn Thị Thúy H1 giao nộp cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế 01 hợp đồng đặt cọc có chữ ký của Nguyễn Chí Tâm để đưa vào hồ sơ vụ án.

Vụ thứ 08: Đối với ông Nguyễn Thái D (Sinh năm 1977, trú tại: Số H đường T, phường T, quận P, thành phố H).

Ngày 18/2/2023, Nguyễn Chí T1 đến gặp anh Nguyễn Thái D nói cần vay một số tiền và để lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Thửa đất số: 1121 và 1122, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Thôn N, Q, Q, Thừa Thiên Huế) của ông Trần Q3 và bà Trần Thị H7 (cùng 01 thửa đất khác mang tên Nguyễn C1). T1 nói đã mua và trả đủ tiền, khi nào có người mua lại thì chủ đất sẽ ký sang tên, anh D tin thật nên đồng ý, T1 viết giấy đặt cọc và nhận số tiền 600.000.000 đồng. Ngày 05/7/2023, T1 trả cho anh D số tiền 200.000.000 đồng, lấy lại giấy chứng nhận tên Nguyễn C1 để bán cho người khác (không xác định được tên địa chỉ người mua). Đến hạn nhưng T1 không trả, anh D tìm hiểu thì mới biết 02 thửa đất này T1 mua chung với các anh Nguyễn Đình C, Phan Quốc T2, Ngô Hữu Q2, chưa trả đủ tiền nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn tên của chủ sở hữu là ông Trần Q3 và bà Trần Thị H7. Anh D làm đơn trình báo rằng T1 đã chiếm đoạt của anh số tiền 400.000.000 đồng.

Ngoài ra, còn có nội dung về tang vật vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2025/HSST ngày 11/8/2025 Tòa án nhân dân thành phố Huế quyết định:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Chí T1** 16 (mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/12/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 585, Điều 586 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo **Nguyễn Chí T1** phải trả cho ông **Lê H3** 3.550.000.000 đồng; bà **Lê Thị Diệu H5** 1.400.000.000 đồng; bà **Trương Thị Phương L2** 4.500.000.000 đồng; ông **Nguyễn Đình C** 330.000.000 đồng; bà **Nguyễn Thị Thúy H1** 1.000.000.000 đồng; ông **Nguyễn Thái D** 400.000.000 đồng; Ông **Lê Văn L**, bà **Phan Thị S** 419.605.500 đồng; bà **Cung Thị L1** số tiền 534.995.000 đồng.

- Truy thu của bà **Nguyễn Thị Thúy H1** 2.000.000.000 đồng để trả lại cho ông **Lê Văn L**, bà **Phan Thị S**.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm:**

- Ngày 14 tháng 8 năm 2025, người bị hại bà **Cung Thị L1** kháng cáo với nội dung: việc định giá tài sản chưa đúng thực tế, đề nghị bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

- Ngày 25 tháng 8 năm 2025, người bị hại ông **Lê Văn L**, bà **Phan Thị S** kháng cáo với nội dung: đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

+ Xác định hợp đồng ủy quyền ngày 22/02/2023 và Hợp đồng chuyển nhượng ngày 16/8/2023 giữa bà **Nguyễn Thị Thúy H1** với ông **Lê Nguyễn Bá K** là vô hiệu do bị lừa dối.

+ Hủy kết quả đăng ký biến động sang tên ông **Lê Nguyễn Bá K** đối với thửa đất 246, tờ bản đồ số 78, **phường H, thị xã H, thành phố H** (nay là **phường K, TP H**) và buộc ông **K** trả lại nguyên trạng phần diện tích 3.082,3 m² đất thuộc thửa đất nêu trên.

+ Xem xét làm rõ mối quan hệ và các thỏa thuận giữa **Nguyễn Chí T1** và bà **Nguyễn Thị Thúy H1** để xem xét dấu hiệu đồng phạm trong vụ án. Xác minh giá trị chuyển nhượng thực tế giữa bà **H8** với ông **K** với thửa đất trên.

- Ngày 22 tháng 8 năm 2025, người bị hại bà **Nguyễn Thị Thúy H1** kháng cáo với nội dung: không đồng ý trả lại cho ông **Lê Văn L**, bà **Phan Thị S** 2.000.000.000 đồng.

- Ngày 28 tháng 8 năm 2025, người bị hại ông **Nguyễn Đình C** kháng cáo với nội dung: thửa đất ông có góp vốn với **T1** để mua, **T1** mang đi cầm cố ở ông **D** lại được tuyên trả cho ông **Q3**, bà **H7** (trong khi số tiền **T1** khai đã trả còn phần dư nếu Tòa tuyên trả lại 03 số đó cho ông **Q3**, bà **H7** thì quyền lợi của ông bị mất oan; mặt khác, thửa đất ông với **T1** mua của ông **B1**, bà **B2** tòa lại tuyên trả cho bà **H1**; đề nghị bảo vệ quyền ích hợp pháp của ông.

- Ngày 27 tháng 8 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phan Quốc T2** kháng cáo với nội dung: thửa đất ông có góp vốn với **T1** để mua, bị cáo **T1** mang đi cầm cố ở ông **D** lại được tuyên trả cho ông **Q3**, bà **H7** (trong khi số tiền bị cáo **T1** khai đã trả còn phần dư nếu Tòa tuyên trả lại 03 số đó cho ông **Q3**, bà **H7** thì quyền lợi của ông bị mất oan; đề nghị bảo vệ quyền ích hợp pháp của ông.

*** Tại phiên toà phúc thẩm:**

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng có quan điểm về giải quyết vụ án như sau: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người bị hại **Lê Văn L**, bà **Phan Thị S**, sửa một phần bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự buộc ông **Nguyễn Bá K** trả lại đất cho ông **L**, bà **S**. Các kháng cáo khác không chấp nhận.

Ý kiến của những người kháng cáo:

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của ông **L**, bà **S** và ông **L**, bà **S**: thống nhất quan điểm của đại diện Viện Công tố.

- Bà **Nguyễn Thị Thúy H1**: không đồng ý với quan điểm của đại diện Viện Công tố, bản thân bà đưa ra 5,2 tỷ đồng để đổi một lô đất bán cho ông **K** được có 2 tỷ đồng, bản thân bà bị thiệt hại nặng nề, nếu buộc ông **K** trả đất lại cho ông **L** thì phải trả toàn bộ các lô đất ban đầu lại cho bà.

- Bà **Cung Thị L1**: đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà.

- Ông **Phan Quốc T2**, ông **Nguyễn Đình C**: không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố, số tiền các ông đưa cho bị cáo không được xem xét giải quyết ảnh hưởng quyền lợi của ông, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: những người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo về phân trách nhiệm dân sự, tuy bị cáo **Nguyễn Chí T1** không có mặt tại phiên tòa nhưng xét thấy lời khai của bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã rõ, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Về tội danh và hình phạt: bị cáo **Nguyễn Chí T1** không kháng cáo, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, chiếm đoạt với tổng số tiền là 14.134.600.500 đồng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết bị cáo về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng:

[3.1] Xét kháng cáo của người bị hại ông **Lê Văn L**, bà **Phan Thị S**, bà **Nguyễn Thị Thúy H1**:

[3.1.1] **Nguyễn Chí T1** đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt diện tích 3.082,3m² quyền sử dụng đất hợp pháp của ông **Lê Văn L**, bà **Phan Thị S**. Cụ thể, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối để ông **L**, bà **S** ký Hợp đồng ủy quyền cho bà **Nguyễn Thị Thúy H1** để làm các thủ tục tách thửa, làm đường nhưng nội dung là người nhận ủy quyền được toàn quyền định đoạt. Do đó giao dịch dân sự này vô hiệu theo Điều 122, Điều 127 Bộ luật Dân sự.

[3.1.2] Mặc dù **T1** chỉ mua 1.080m² đất của ông **L** và bà **S** nhưng để có tiền trả nợ cho bà **H1**, **T1** nói với bà **H1** là đã mua hết thửa đất của ông **L** bà **S** với diện tích 4.162,3m². Sau khi chủ đất ký công chứng ủy quyền toàn bộ thì bà **H1** phải trả lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 414, 578, 164 cho **T1**, bà **H1** đồng ý. Sau đó, bà **H1** chuyển nhượng lại cho ông **Nguyễn Bá K** với giá 2 tỷ đồng.

[3.1.3] Xét, diện tích 3.082,3 m² thuộc thửa đất số 246, tờ bản đồ số 78, diện tích: 4.162,3m² ở địa chỉ: **tổ dân phố T, phường H, thị xã H, thành phố H** là tài sản của ông **L**, bà **S**; bị cáo **T1** đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt quyền sử dụng đất hợp pháp của ông **L** bà, **S**, để trả nợ bằng cách đổi thế chấp cho bà **H1** như nêu tại tiểu mục [3.1.2]. Đây là vật chứng tội phạm nên các giao dịch liên quan đến thửa đất số 246 là vô hiệu, không có giá trị pháp lý, người đang chiếm giữ tài sản này không thuộc trường hợp người thứ ba ngay tình thuộc trường hợp được bảo vệ quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật Dân sự.

[3.1.4] Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc truy thu của bà **Nguyễn Thị Thúy H1** 2.000.000.000 đồng để trả lại cho ông **Lê Văn L**, bà **Phan Thị S**

nhưng không xem xét đến trách nhiệm ông **Nguyễn Bá K** là không có căn cứ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các bên, HĐXX hủy phần dân sự liên quan đến quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 246, tờ bản đồ số 78, diện tích: 4.162,3m² nêu trên.

[3.2] Xét kháng cáo của người bị hại bà **Cung Thị L1**:

[3.2.1] Khoảng đầu năm 2021, **Nguyễn Chí T1** biết bà **Cung Thị L1** cần bán thửa đất số: 578, tờ bản đồ số 11, diện tích là 1.332m². **T1** nói sẽ mua thửa đất này với giá 2.000.000.000 đồng, **T1** có trách nhiệm làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách thửa rồi bán lại cho bà **L1** diện tích 400m² đất ở tại các vị trí hiện đang có nhà ở và các phòng karaoke với giá 1.260.000.000 đồng, bà **L1** tin thật nên đồng ý. **T1** đưa cho bà **L1** tổng số tiền 1.000.000.000 đồng.

[3.2.2] Đến cuối năm 2022, **T1** cần tiền tiêu xài nên liên hệ anh **Lý Quốc A** để vay số tiền 900.000.000 đồng. **T1** nói có mua thửa đất ở **huyện Q**, nếu cho vay thì chủ đất sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng, nếu sau 03 tháng, **T1** không có tiền trả thì thửa đất đó thuộc chủ quyền của người cho vay, anh **Quốc A** đồng ý.

[3.2.3] **Nguyễn Chí T1** đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt diện tích 400m² quyền sử dụng đất hợp pháp của bà **Cung Thị L1**. Cụ thể, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối **T1** nói các giấy tờ trước đây bà **L1** ký sai, cần ký lại bà **L1** tin thật nên đến Phòng Công chứng **Hồ Phi H4** ký vào các giấy tờ do **T1** chỉ dẫn (Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà **L1** sang tên **Lý Quốc A**). Hai bên ký xong, **T1** về nhà anh **Lý Quốc A** lập hợp đồng cầm cố, đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng, nhận 900.000.000 đồng, trả nợ và tiêu xài hết.

[3.2.4] Xét, như phân tích tại các tiểu mục [3.2] thì Thửa đất số 578 là vật chứng tội phạm nên các giao dịch liên quan đến thửa đất này là vô hiệu, không có giá trị pháp lý, người đang chiếm giữ tài sản này không thuộc trường hợp người thứ ba ngay tình được bảo vệ theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật Dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo **T1** trả cho bà **Cung Thị L1** số tiền 534.995.000 đồng trị giá thửa đất theo định giá, sau khi trừ số tiền 1 tỷ đồng bị cáo đưa trước nhưng không xem xét đến trách nhiệm anh **Lý Quốc A** là thiếu sót. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các bên, HĐXX phúc thẩm hủy phần dân sự liên quan đến quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 578 nêu trên.

[3.3] Xét kháng cáo của người bị hại ông **Nguyễn Đình C**: bị cáo **T1** cùng anh **T2**, ông **C**, anh **Q3** thỏa thuận mua thửa đất số: 460, tờ bản đồ số: 15, địa chỉ: **Thôn P, xã Q, huyện Q, thành phố H** của ông **Nguyễn Đình T4** với giá 5.400.000.000 đồng, mỗi người sẽ góp 1.350.000.000 đồng. Thỏa thuận như vậy

nhưng không có ai góp tiền, nên T1 giả vờ nói là có người mua lại với giá 5.600.000.000 đồng, mỗi người lãi 50.000.000 đồng thì chỉ có ông C chuyển cho T1 số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi T1 thanh toán xong tiền cho ông T4 thì giá đất xuống, cần tiền trả nợ nên bán lại cho anh Tổng Hữu Nhân T5 (Sinh năm 1989, trú tại: A Kiệt B B, phường T, quận T, thành phố H) với giá 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và trả nợ hết. T5 đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Đình C số tiền 200.000.000 đồng. Khoảng đầu năm 2023, T5 giả vờ nói với ông C đang cần tiền để giải quyết khó khăn đối với lô đất tại thôn P, xã Q, nên cần mượn thêm tiền, ông C tin thật nên chuyển thêm cho T5 số tiền 130.000.000 đồng thì bị T5 chiếm đoạt. Tổng số tiền chiếm đoạt của ông C là 330.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo T5 phải trả ông Nguyễn Đình C 330.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với số tiền ông C góp vốn với bị cáo T5 và những người khác ông C có quyền yêu cầu giải quyết quyền lợi của ông bằng vụ án dân sự riêng khi có yêu cầu.

[3.4] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Quốc T2: quá trình giải quyết vụ án, ông T2 có góp tiền với T5 mua thửa đất số 181, thửa đất số 1121, thửa đất số 1122; tại Bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 126/KLĐT-CSHS ngày 29/11/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T xác định: quá trình góp tiền mua bán các thửa đất giữa T5, T2, C, Q3 là thỏa thuận góp vốn kinh doanh. Đến nay, các thửa đất vẫn chưa được chuyển nhượng hoàn toàn, chưa có thiệt hại, vì vậy đây là quan hệ dân sự giữa các bên liên quan. Do đó, quyền lợi của ông T2 sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự riêng khi có yêu cầu.

[4] Với các phân tích tại mục [3], chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn L, bà Phan Thị S, bà Nguyễn Thị Thúy H1, bà Cung Thị L1 hủy Bản án hình sự sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự liên quan thửa đất số 246, thửa đất số 578 và số tiền truy thu của bà Nguyễn Thị Thúy H1 2.000.000.000 đồng để trả lại cho ông Lê Văn L, bà Phan Thị S. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Quốc T2, ông Nguyễn Đình C; quyền lợi của ông T2, ông C sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự riêng khi có yêu cầu.

[5] Những phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xem xét, có hiệu pháp luật.

[6] Về án phí: những người kháng cáo ông L, bà S, bà H1, bà L1 không phải chịu án phí theo quy định. Những người kháng cáo ông T2, ông C phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông **Lê Văn L**, bà **Phan Thị S**, bà **Nguyễn Thị Thúy H1**, bà **Cung Thị L1**; không chấp nhận kháng cáo của ông **Phan Quốc T2**, ông **Nguyễn Đình C**.

2. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2025/HSST ngày 11/8/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế về phần trách nhiệm dân sự liên quan đến thửa đất số 246, thửa đất số 578 và số tiền truy thu 2.000.000.000 đồng của bà **Nguyễn Thị Thúy H1** để trả lại cho ông **Lê Văn L**, bà **Phan Thị S**.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử lại phần dân sự theo quy định.

3. Về án phí phúc thẩm: người kháng cáo ông **Lê Văn L**, bà **Phan Thị S**, bà **Nguyễn Thị Thúy H1**, bà **Cung Thị L1** không phải chịu. Những người kháng cáo ông **Phan Quốc T2**, ông **Nguyễn Đình C** mỗi người phải chịu án phí thẩm 300.000 đồng.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Huế;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Huế;
- Phòng HSNV- Công an thành phố Huế;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Dung